

BẢNG TỔNG KÊ
CÔNG TRÌNH : SỬA CHỮA ĐƯỜNG DÂY 110KV AN LONG - HỒNG NGỰ
(Đính kèm phương án số 715/PA-XNLĐĐT ngày 03 tháng 06 năm 2025)

STT	VỊ TRÍ TRỤ	HÌNH THỨC CỘT HIỆN HỮU	HÌNH THỨC MÓNG HIỆN HỮU	CÔNG DỤNG	KHOẢNG CÁCH		CÁCH ĐIỆN - PHỤ KIỆN													GHI CHÚ		
					CHIỀU DÀI	CỘNG ĐƠN	HIỆN TRẠNG					THAY MỚI					THU HỒI					
							CHUỖI CÁCH ĐIỆN ĐỖ POLYME	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THUY TÍNH ĐỖ KÉP	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THUY TÍNH ĐỖ ĐƠN	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THUY TÍNH NÉO ĐƠN	DÂY NHÔM TRẦN LỖI THÉP ACSR 185/19	CHUỖI CÁCH ĐIỆN POLYMER (ĐỖ KÉP)	CHUỖI CÁCH ĐIỆN POLYMER (ĐỖ ĐƠN)	CHUỖI CÁCH ĐIỆN POLYMER (NÉO ĐƠN)	DÂY NHÔM TRẦN LỖI THÉP ACSR 185/19	Kẹp cáp nhôm cỡ 150-240mm ²	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THUY TÍNH ĐỖ KÉP	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THUY TÍNH ĐỖ ĐƠN	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THUY TÍNH NÉO ĐƠN		DÂY NHÔM TRẦN LỖI THÉP ACSR 185/19	
	CC	TC171AL			53					3				3					3			
1	1	N110-2T+5	MB 6.3-14CT	Néo	190	53			6	30			6	36	12			6	30			
2	2	Đ110-4T	MB2,8x7,8	Đỡ thẳng	194	243			3			3					3					
3	3	N110-2T+5	MB 6.3-12CT	Néo	178	437			6	30			6	36	12			6	30			
4	4	ĐV-25-.CT	MB 2.8-6.8A	Đỡ thẳng	235	615	3				3						3					'Thay bằng chuỗi kép
5	5	II10-3+4.CT	MB 2.8-6.8A	Đỡ thẳng	203	850	3				3						3					Thay bằng chuỗi kép
6	6	Y110-1+4.CT	MB 4.8-11CT	Néo	50	1053			6	30			6	36	12			6	30			
7	6A	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	27	1103			3			3						3				
8	7	ĐT-20	MB 2.8-6.8A	Đỡ thẳng	185	1130			3			3						3				
9	8	ĐV-25-.CT	MB 2.8-6.8A	Đỡ thẳng	135	1315	3				3						3					Thay bằng chuỗi kép
10	9	ĐV-25-.CT	MB 2.8-6.8A	Đỡ thẳng	150	1450	3				3						3					Thay bằng chuỗi kép
11	10	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	150	1600			3			3						3				
12	11	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	150	1750			3			3						3				
13	12	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	150	1900			3			3						3				
14	13	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	150	2050			3			3						3				
15	14	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	158	2200			3			3						3				
16	15	N110-1+5.CT	MB 6.3-11.CT	Néo	177	2358			6	30			6	36	12			6	30			
17	16	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	140	2535			3			3						3				
18	17	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	140	2675			3			3						3				
19	18	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	140	2815			3			3						3				
20	19	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	140	2955			3			3						3				

STT	VỊ TRÍ TRỤ	HÌNH THỨC CỘT HIỆN HỮU	HÌNH THỨC MÓNG HIỆN HỮU	CÔNG DỤNG	KHOẢNG CÁCH		CÁCH ĐIỆN - PHỤ KIỆN													GHI CHÚ			
					CHIỀU DÀI	CỘNG ĐÓN	HIỆN TRẠNG					THAY MỚI					THU HỒI						
							CHUỖI CÁCH ĐIỆN ĐỖ POLYME	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH ĐỖ KÉP	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH ĐỖ ĐƠN	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH NÉO ĐƠN	DÂY NHÓM TRẦN LỖI THÉP ACSR 185/19	CHUỖI CÁCH ĐIỆN POLYMER (ĐỖ KÉP)	CHUỖI CÁCH ĐIỆN POLYMER (ĐỖ ĐƠN)	CHUỖI CÁCH ĐIỆN POLYMER (NÉO ĐƠN)	DÂY NHÓM TRẦN LỖI THÉP ACSR 185/19	Kẹp cáp nhôm cỡ 150-240mm ²	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH ĐỖ KÉP	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH ĐỖ ĐƠN	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH NÉO ĐƠN		DÂY NHÓM TRẦN LỖI THÉP ACSR 185/19		
64	55	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		8340			3					3				3					
					64,5																		
65	55A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		8404,5			3					3				3					Thủy tinh
					64,5																		
66	56	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		8469			3					3				3					
					177																		
67	57	ĐT-121-31	MB 2.8-6.8.CT	Đỡ thẳng		8646			3				3					3					Trụ ≤40m 'Thay bằng chuỗi kép
					241																		
68	58	ĐT-121-31	MB 2.8-6.8.CT	Đỡ thẳng		8887			3				3					3					Trụ ≤40m 'Thay bằng chuỗi kép
					230																		
69	59	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		9117	3																
					223																		
70	60	NG60-121-21+5	MB 6.3-10.0	Néo		9340			3	6	30		3	6	36	12		3	6	30			
					198																		
71	61	ĐT-121-27	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		9538			3				3					3					Thay bằng chuỗi kép
					179																		
72	62	ĐT-121-27	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		9717			3				3					3					Thay bằng chuỗi kép
					156																		
73	63	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		9873	3																
					66,5																		
74	63A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		9939,5	3																
					66,5																		
75	64	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		10006			3				3					3					
					68																		
76	64A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		10074	3																
					68																		
77	65	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		10142			3				3					3					
					67,5																		
78	65A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		10209,5	3																
					67,5																		
79	66	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		10277			3				3					3					
					67,5																		
80	66A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		10344,5	3																Polymer-kép
					67,5																		
81	67	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		10412	3																Polymer-kép
					66,5																		
82	67A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		10478,5	3																
					66,5																		
83	68	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng		10545			3				3					3					

STT	VỊ TRÍ TRỤ	HÌNH THỨC CỘT HIỆN HỮU	HÌNH THỨC MÓNG HIỆN HỮU	CÔNG DỤNG	KHOẢNG CÁCH		CÁCH ĐIỆN - PHỤ KIỆN													GHI CHÚ	
					CHIỀU DÀI	CỘNG ĐÓN	HIỆN TRẠNG					THAY MỚI					THU HỒI				
							CHUỖI CÁCH ĐIỆN ĐỒ POLYME	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH ĐỒ KÉP	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH ĐỒ ĐƠN	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH NÉO ĐƠN	DÂY NHÔM TRẦN LỖI THÉP ACSR 185/19	CHUỖI CÁCH ĐIỆN POLYMER (ĐỒ KÉP)	CHUỖI CÁCH ĐIỆN POLYMER (ĐỒ ĐƠN)	CHUỖI CÁCH ĐIỆN POLYMER (NÉO ĐƠN)	DÂY NHÔM TRẦN LỖI THÉP ACSR 185/19	Kẹp cáp nhôm cỡ 150-240mm ²	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH ĐỒ KÉP	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH ĐỒ ĐƠN	CHUỖI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH NÉO ĐƠN		DÂY NHÔM TRẦN LỖI THÉP ACSR 185/19
84	69	NG60-121-25+5	MB 6.3-9.0	Néo	134	10679				6	30			6	36	12			6	30	Kiểm tra không có cách điện đỡ
85	70	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	172	10851			3				3						3		
86	70A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	61	10912	3														
87	71	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	61	10973			3				3						3		
88	71A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	60	11033	3														
89	72	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	60	11093			3				3						3		
90	72A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	59,5	11152,5	3														
91	73	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	59,5	11212			3				3						3		
92	73A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	59,5	11271,5	3														
93	74	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	59,5	11331			3				3						3		
94	74A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	59,5	11390,5	3														
95	75	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	59,5	11450			3				3						3		
96	75A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	60	11510	3														
97	76	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	60	11570			3				3						3		
98	76A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	61	11631	3														
99	77	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	61	11692			3				3						3		
100	77A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	59,5	11751,5	3														
101	78	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	59,5	11811			3				3						3		
102	78A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	61	11872	3														
103	79	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	61	11933			3				3						3		

STT	VỊ TRÍ TRỤ	HÌNH THỨC CỘT HIỆN HỮU	HÌNH THỨC MÓNG HIỆN HỮU	CÔNG DỤNG	KHOẢNG CÁCH		CÁCH ĐIỆN - PHỤ KIỆN												GHI CHÚ						
					CHIỀU DÀI	CỘNG ĐƠN	HIỆN TRẠNG					THAY MỚI				THU HỒI									
							CHUỐI CÁCH ĐIỆN ĐỒ POLYME	CHUỐI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH ĐỒ KÉP	CHUỐI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH ĐỒ ĐƠN	CHUỐI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH NÉO ĐƠN	DÂY NHÓM TRẦN LỖI THÉP ACSR 185/19	CHUỐI CÁCH ĐIỆN POLYMER (ĐỒ KÉP)	CHUỐI CÁCH ĐIỆN POLYMER (ĐỒ ĐƠN)	CHUỐI CÁCH ĐIỆN POLYMER (NÉO ĐƠN)	DÂY NHÓM TRẦN LỖI THÉP ACSR 185/19	Kẹp cáp nhôm cỡ 150-240mm ²	CHUỐI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH ĐỒ KÉP	CHUỐI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH ĐỒ ĐƠN		CHUỐI CÁCH ĐIỆN THỦY TINH NÉO ĐƠN	DÂY NHÓM TRẦN LỖI THÉP ACSR 185/19				
104	79A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	58,5	11991,5	3																		
105	80	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	58,5	12050				3															
106	81A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	59,5	12109,5	3																		
107	81	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	59,5	12169				3															
108	81A	ĐT-22-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	60	12229	3																		
109	82	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	60	12289				3															
110	83	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	154	12443				3															
111	84	ĐT-20+3-G22	MB 4.6-4.6	Đỡ thẳng	122	12565				3															
112	85	NG60-121-25+5	MB 6.3-10.0	Néo	170	12735				3	6	30		3	6	36	12			3	6	30			
113	86	ĐT-121-35	MB 3.2-7.0 CT	Đỡ thẳng	241	12976				3											3				Trụ ≤40m
114	87	NG60-122-25	MB 6.3-14A CT	Néo	164	13140					6	30			6	36	12				6	30			
	0				38					3	3				3	3					3	3			
Tổng					13178	13178	84	30	204	66	300	30	204	66	360	120	30	204	66	300					

Ghi chú:

<u>Trụ</u>	<u>SL trụ:</u>	<u>SL sứ</u>	<u>Ghi chú</u>
1. Trụ dậm (trụ A): 28 (Polyme)	28	84	
2. Trụ đỡ thẳng	66	195	(VT 49 đã thay)
3. Trụ Vượt (sứ kép): 10	10	60	
4. Sứ đỡ lèo (trụ néo và trụ công)	4	12	
5. Trụ néo	10	60	
6. Trụ Công (sứ néo)	2	6	
Tổng cộng	114	333	